

ĐÁNH GIÁ BỘ TÀI LIỆU TRỰC QUAN TRONG VIỆC GIẢNG DẠY MÔN TAEKWONDO CHO NỮ SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

EVALUATING THE EFFECTIVENESS OF VISUAL MATERIALS ON TAEKWONDO FOR NON-PROFESSIONAL FEMALE STUDENTS IN HANOI PEDAGOGICAL UNIVERSITY 2

TÓM TẮT: Bài viết này là nhằm đánh giá hiệu quả của bộ tài liệu trực quan môn Taekwondo trong việc giảng dạy, tập luyện cho nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Kết quả thu được cho thấy, các ý kiến chuyên gia đánh giá chất lượng bộ tài liệu do nghiên cứu xây dựng có tính hiệu quả thực tế. Kết quả ứng dụng bộ tài liệu cho thấy đã mang lại hiệu quả học tập, tăng tính hấp dẫn trong việc giảng dạy và tập luyện đối với đối tượng tham gia thực nghiệm.

TỪ KHÓA: Tài liệu trực quan, sinh viên, không chuyên, giáo dục thể chất.

ABSTRACT: This article is to evaluate the effectiveness of the Taekwondo visual materials set in teaching and practicing for non-major female student at Hanoi Pedagogical University 2. The results obtained show that expert opinions Evaluate the quality of the documents developed by the research for practical effectiveness. The results of applying the document set show that it has brought about learning effectiveness, increasing the attractiveness of teaching and practicing for experimental participants.

KEYWORDS: Visual materials, students, amateurs, physical education.

LÊ XUÂN ĐIỆP
DƯƠNG VĂN VĨ
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
NGUYỄN HỮU LỰC
Khoa giáo dục Thể chất,
Đại học Đà Nẵng

LE XUAN DIEP
DUONG VAN VI
Hanoi Pedagogical University 2
NGUYEN HUU LUC
Faculty of Physical Education,
Da Nang University

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục Thể chất (GDTC) có liên quan chặt chẽ đến tất cả các hoạt động thể chất (HĐTC) của con người trong xã hội hiện đại ngày nay. Chức năng của Thể thao nói chung và GDTC đều hướng đến việc phát triển các hoạt động thể chất cho các đối tượng học sinh, sinh viên (SV).

Trước sự thay đổi của hoạt động giáo dục, các trường đại học cũng phải nhanh và liên tục cải thiện chất lượng giáo dục và đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu thực tế. Chất lượng giáo

dục đại học được quyết định bởi chương trình giảng dạy phù hợp, tài liệu giảng dạy đảm bảo hình thành và phát triển hứng thú, nhu cầu học tập tự thân của SV, điều này có ý nghĩa thực tế, cao trong việc nâng cao chất lượng học tập tổng thể [6]. Việc sử dụng phương tiện học tập trong quá trình học tập có thể tạo ra ham muốn, hứng thú, động lực và có ảnh hưởng tốt đến tâm lý SV [4]. Phương tiện học tập bao gồm tất cả các tài liệu và nguồn tài nguyên quan trọng mà nhà giáo dục có thể sử dụng để áp dụng các phương



pháp học tập và tạo điều kiện thuận lợi cho việc đạt được các mục tiêu học tập [2]. Việc sử dụng phương tiện trong giảng dạy có thể cung cấp khả năng tiếp cận những ý tưởng mới như cách học, tập, hướng dẫn phương pháp tư duy chuyên môn, làm rõ các nội dung, chương trình học, kiểm tra.

Về quá trình học tập GDTC, để phát triển cùng với xu thế giáo dục thế giới, một số khuyến nghị cũng đã được đưa ra gồm: 1) Ứng dụng công nghệ trong GDTC giúp SV học, tập tốt các HĐTC; 2) Cách tiếp cận công nghệ là sự đáp ứng trước những thay đổi trong mô hình học tập lấy SV làm trung tâm và giáo viên là người hỗ trợ. Việc ứng dụng các phương tiện công nghệ điện tử trong dạy, học, tập luyện GDTC có thể làm tăng hứng thú và động lực HĐTC của SV so với việc dạy GDTC bằng phương pháp truyền thống [3]. Thêm vào đó, việc sử dụng hệ thống đa phương tiện mang lại sự thuận tiện trong việc hiểu và đạt được kết quả tốt nhất về kỹ thuật và chiến thuật học, tập nhằm nâng cao kết quả học tập môn GDTC. Bằng cách sử dụng các thiết bị công nghệ, việc trực quan hóa tài liệu giảng dạy sẽ hấp dẫn hơn vì chúng chứa nội dung đa phương tiện (hình ảnh và video). Việc sử dụng đa phương tiện trong tài liệu giảng dạy đã được chứng minh là cải thiện hơn nữa kết quả học tập.

Võ thuật nói chung và môn Taekwondo nói riêng có nhiều cấp, đa dạng về kỹ thuật và tính phức tạp của các hoạt động tập luyện chuyên môn. Vì vậy, các

mô hình học tập cần phải thay đổi tùy theo tài liệu học tập. Việc học tập mang tính thực tế hơn và cần thiết để thành thạo các kỹ năng, trong khi các khía cạnh kiến thức (nhận thức) và thái độ (tình cảm) chỉ chiếm một phần rất nhỏ và được tạo thành từ các HĐTC trong giảng dạy thực tế. Ngoài ra, cũng chưa có bộ công cụ học tập tích hợp công nghệ nào phù hợp chung cho tất cả các đối tượng, thêm vào đó, tài liệu giảng dạy chỉ đa số ở dạng in ấn nên kém hấp dẫn, khó tiếp nhận và ứng dụng đối với đa số người học, đặc biệt là nhóm SV chưa có trình độ tập luyện [5].

Phương pháp nghiên cứu: Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp như sau: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn bằng phiếu hỏi, phương pháp kiểm tra sự phạm, phương pháp thực nghiệm và phương pháp thống kê.

Khách thể nghiên cứu
Khách thể phỏng vấn bao gồm: +15 người là các võ sư, giảng viên tham gia giảng dạy, các nhà khoa học có liên quan ở trong và ngoài Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2
+ 152 nữ SV học môn Võ Taekwondo khối không chuyên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung bộ tài liệu trực quan môn Taekwondo dùng cho nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Cấu trúc bộ tài liệu bao gồm:

Bộ tài liệu được chia thành 02 phần (tài liệu tham khảo chuyên môn và bộ đĩa hình tổng hợp) với nội dung thống nhất theo chương trình giảng dạy môn võ Taekwondo không chuyên gồm: mở đầu, giới thiệu môn học; đặc điểm, nguyên lý vận động, phương pháp học, tập luyện khoa học; hệ thống kỹ thuật căn bản (Seogi, Jireugi, Makky, Chagi, Chigi); đối luyện và Poomsae; phương pháp tập luyện và ứng dụng cơ bản; luật cơ bản; bài tập phát triển chuyên môn.

Nội dung trình bày tổng thể tuân theo cấu trúc định trước (tài liệu tham khảo chuyên môn); kết hợp trình bày bằng văn bản, lời dẫn, hình ảnh và hình động mô phỏng cơ bản (bộ đĩa hình).

Thành phần nội dung gồm: Nhóm kỹ thuật cơ bản (Tổng hợp các kỹ thuật cơ bản thuộc các nhóm chính trong chương trình GDTC hệ không chuyên), gồm: 1) Nhóm kỹ thuật Seogi: Moa Seogi (tấn nghiêm), Naranhi Seogi (tấn song song), Juchum Seogi (tấn ngang), Ap Seogi (tấn bước), Apkubi Seogi (tấn trước dài), Dwikubi Seogi (tấn sau), Wen Seogi (tấn mở trái), Oreun Seogi (tấn mở phải), Kibon Jumbi Seogi (tấn sẵn sàng mở); 2) Nhóm kỹ thuật Jireugi: Olgul Jireugi (đấm thượng đẳng), Momtong Jireugi (đấm trung đẳng), Arae Jireugi (đấm hạ đẳng); 3) Nhóm kỹ thuật Chagi: Ap Chagi (đá tổng trước), Yop Chagi (đá tổng ngang), Dollyo Chagi (đá vòng cầu), Dwi Chagi (đá tổng sau), Pqodeo Chagi (đạp

trước), Nakka Chagi (đá móc cầu - quay gót), Huryo Chagi (đá đôi vòng cầu), Naeryo Chagi (đá chẻ), Bakkat Chagi (đá tạt từ trong ra ngoài), An Chagi (đá tạt từ ngoài vào); 4) Nhóm kỹ thuật Makky: Area Makky (gạt hạ đẳng), Momtong Makky (gạt trung đẳng), Olgul Makky (gạt thượng đẳng), Sonnal Momtong Makky (gạt trung đẳng từ trong ra bằng cạnh ngoài bàn tay); 5) Nhóm kỹ thuật Chigi: Ap Chigi (vả bằng lưng nắm đấm), Sonnal Mok Chigi (chém cơ bản), Pyonsonkeut Sewo Tzireugi (xìa thẳng), Palkup Dollyo Chigi (trở ngang); 6) Nhóm kỹ thuật Quyền Thái cực Cơ bản (Taegeuk Poomsae - Taegeuk Il, Ee Jang).

2.2. Thiết kế nội dung đánh giá bộ tài liệu trực quan môn Taekwondo dùng cho nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Nghiên cứu sử dụng phiếu hỏi với thang đo Likert để thu thập ý kiến đánh giá ý kiến của 15 khách thể khảo sát (võ sư, giảng viên chuyên môn, các nhà khoa học có cùng hướng quan tâm,...) và 152 nữ SV học môn Võ Taekwondo khối không chuyên Trường ĐHSPT Hà Nội 2 về bộ tài liệu trực quan.

Công cụ thu thập dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu và phát triển này sử dụng bảng câu hỏi để lấy dữ liệu từ các chuyên gia. Hình thức câu hỏi khác nhau đối với mỗi nhóm đối tượng nhằm thu thập dữ liệu về đánh giá dưới dạng ý kiến đóng góp, nhận xét, phê bình, đề xuất.

BẢNG 1: PHÂN LOẠI TỶ LỆ XỬ LÝ DỮ LIỆU PHỎNG VẤN

SỐ	%	LOẠI	GHI CHÚ
1	75.01-100	Rất phù hợp	Có thể được sử dụng mà không cần sửa đổi
2	50.01-75.01	Phù hợp	Có thể sử dụng với các sửa đổi nhỏ
3	25.01-50.00	Không phù hợp	Không thể sử dụng được
4	00.00-25.00	Hoàn toàn không phù hợp	Cấm sử dụng

BẢNG 2: QUY TẮC CHUYỂN ĐỔI ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CỦA KHÁCH THỂ PHỎNG VẤN

ĐIỂM ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TRUNG BÌNH	PHÂN LOẠI
4	3.26-4.00	Rất hấp dẫn
3	2.51-3.25	Hấp dẫn
2	1.76-2.50	Bình thường
1	1.00-1.75	Không hấp dẫn

BẢNG 3: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÍNH PHÙ HỢP HÌNH THỨC TRÌNH BÀY KIẾN THỨC CỦA BỘ TÀI LIỆU TRỰC QUAN (n=15)

BIẾN	%	PHÂN LOẠI
Chữ	87.5	Rất phù hợp
Hình/Ảnh	94.4	Rất phù hợp
Âm thanh	80	Rất phù hợp
Video	91.67	Rất phù hợp
Kiểu cách thiết kế	93.75	Rất phù hợp
Trung bình	89.66	Rất phù hợp

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát)

Để xác định tính hiệu lực, hiệu quả và sức hấp dẫn của bộ tài liệu trực quan đã xây dựng, nghiên cứu thiết kế thử nghiệm tổng thể kết hợp thử nghiệm trên nhóm phụ (đối chiếu song song). Kết quả kiểm tra trước và kiểm tra sau nhằm thu thập dữ

liệu về việc nâng cao kết quả và hiệu quả học tập bằng cách đưa ra các câu hỏi nhận thức liên quan đến bộ tài liệu đã xây dựng và ứng dụng giảng dạy. Kết quả thu được sẽ đánh giá thông qua tính chuẩn của tập hợp dữ liệu thu được, sau đó sử dụng t-test

**BẢNG 4: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI HỌC TẬP VÀ GIÁ TRỊ NỘI DUNG CỦA BỘ TÀI LIỆU TRỰC QUAN (n=15)**

BIẾN	GIÁ TRỊ ĐỐI VỚI HỌC TẬP		GIÁ TRỊ NỘI DUNG	
	%	Phân loại	%	Phân loại
Tính đại diện của kiến thức trong nội dung bộ tài liệu	74.5	Phù hợp	74.5	Phù hợp
Tính tập chung vào vấn đề	82	Rất phù hợp	75	Phù hợp
Tính phù hợp với đối tượng	73	Phù hợp	87.5	Rất phù hợp
Tính tiện ích về việc sử dụng	93.75	Rất phù hợp	75	Phù hợp
Tính thu hút của bộ tài liệu với đối tượng nghiên cứu	94.4	Phù hợp	-	-
Trung bình	83.53	Phù hợp	78	Rất phù hợp

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát)

để so sánh. Để kiểm tra tính hiệu quả của bộ tài liệu trong thực tế, nghiên cứu xác định sự khác biệt trung bình trước (X1) và sau (X2) thực nghiệm ứng dụng thực tế. Hiệu quả của việc sử dụng bộ tài liệu trực quan được thể hiện dựa trên kết quả học tập trong thời gian thực nghiệm. Như vậy, tỷ lệ thời gian cần thiết sẽ tương ứng với thời gian SV sử dụng để học, tập thực tế. Nếu tỷ lệ thời gian sử dụng >1 thì việc học, tập được cho là có hiệu quả cao và ngược lại. Nếu thời gian sử dụng < thời gian cần thiết thì tỷ lệ này >1, biểu thị việc học, tập có hiệu quả tốt hơn. Mức độ thu hút của bộ tài liệu được lấy từ việc phỏng vấn các đối tượng tham gia nghiên cứu (chuyên gia và 2 nhóm SV). Việc đánh giá sẽ thông qua tổng số điểm mà mỗi SV trả lời chia cho tổng điểm và nhân với số lựa chọn trả lời.

Kết quả điểm trung bình của đánh giá sau đó được chuyển đổi dưới dạng tuyên bố đánh giá để xác định chất lượng và mức

độ hữu ích của sản phẩm thu được dựa trên ý kiến của người trả lời để có thể rút ra kết luận. Nếu điểm cao nhất theo các lựa chọn câu trả lời là 4 và điểm thấp nhất là 1 thì giá trị khoảng được lấy như sau:

2.3. Kết quả đánh giá bộ tài liệu trực quan môn Taekwondo dùng cho nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Kết quả thu được từ bảng 3 cho thấy: Tỷ lệ trung bình về tính phù hợp liên quan đến các hình thức trình bày kiến thức của bộ tài liệu thu được là 89.66%, như vậy các chuyên gia cho rằng bộ tài liệu rất phù hợp với đối tượng nghiên cứu và không cần sửa đổi.

Kết quả thu được từ bảng 4 cho thấy: Tỷ lệ trung bình về tính phù hợp liên quan đến giá trị đối với học tập của bộ tài liệu thu được là 83.53%, như vậy bộ tài liệu được xây dựng là rất phù hợp và có thể được sử dụng mà không cần sửa đổi; Tỷ lệ trung

bình về tính khả thi liên quan đến giá trị nội dung kiến thức của bộ tài liệu thu được là 78%, như vậy bộ tài liệu được xây dựng là rất phù hợp và có thể được sử dụng mà không cần sửa đổi

Kết quả thu được từ bảng 5 cho thấy: Tỷ lệ trung bình về tính phù hợp liên quan đến các thành phần nội dung của bộ tài liệu thu được là 73.59%, như vậy, các yếu tố thành phần đạt được ý kiến ở mức phù hợp và cần phải sửa chữa, bổ sung thêm 1 số yếu tố thành phần thuộc từng nhóm kiến thức, cụ thể gồm: 1) Thêm đặc điểm môn học (bao gồm cả tố chất chuyên môn chủ đạo); 2) Tăng thêm số lượng các bài tập bổ trợ và phát triển kỹ thuật chuyên môn; 3) Bổ sung các chiến thuật tâm lý thi đấu cơ bản.

Kết quả thu được từ bảng 6 cho thấy: Kết quả phỏng vấn trên nhóm SV đang tham gia học môn Taekwondo thu được là 76.46% thuộc nhóm rất phù hợp. Tất cả các tiêu chí đều

BẢNG 5: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA CÁC THÀNH PHẦN CỦA BỘ TÀI LIỆU TRỰC QUAN (n=15)

BIẾN	%	PHÂN LOẠI
1-Lịch sử, giá trị tư tưởng, tinh thần, nguyên lý vận động chuyên môn	74.67	Phù hợp
2-Hệ thống kỹ thuật cơ bản và phương pháp tập luyện chuyên môn	72.3	Phù hợp
3-Chiến thuật, luật và trọng tài chuyên môn	73.8	Phù hợp
Trung bình	73.59	Phù hợp

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát)

BẢNG 6: KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ BỘ TÀI LIỆU TRỰC QUAN (n=152)

BIẾN	THỰC NGHIỆM (n=47)		KHÔNG THAM GIA NGHIÊN CỨU (=105)	
	%	Phân loại	%	Phân loại
Tính đại diện của kiến thức trong nội dung bộ tài liệu	75.62	Rất phù hợp	75.68	Rất phù hợp
Tính tập chung vào vấn đề	60	Phù hợp	74.5	Phù hợp
Tính phù hợp với đối tượng	90	Rất phù hợp	75.55	Rất phù hợp
Tính tiện ích về việc sử dụng	72.25	Phù hợp	82	Rất phù hợp
Tính thu hút của bộ tài liệu với đối tượng nghiên cứu	74.67	Phù hợp	74.58	Phù hợp
Trung bình	74.51	Phù hợp	76.46	Rất phù hợp

(Nguồn: Phân tích số liệu khảo sát)

đáp ứng đủ điều kiện để bộ tài liệu có thể được sử dụng làm phương tiện và tài nguyên học tập cho SV.

Kết quả thu được từ bảng 7 cho thấy: Kết quả thu thập được trước ($L_{\text{tính}} = 0.043 \leq L_{\text{bảng}} = 0.1282$) và sau thực nghiệm ($L_{\text{tính}} = 0.015 \leq L_{\text{bảng}} = 0.1282$) tại mức phân phối chuẩn $\alpha = 0.05$ biểu thị tính chuẩn về mặt phân bố kết quả kiểm tra; Với trung bình trước kiểm tra (X_1)=64 trung bình sau kiểm tra (X_2)=84.25, T-Test thu được $T_{\text{tính}} = 7.608 > T_{\text{bảng}} = 2.013$, như vậy sự khác biệt được xác định

ở mức đáng kể, điều này khẳng định bộ tư liệu có hiệu quả sau thực nghiệm đối với kết quả học tập vì có sự thay đổi về mức độ tăng điểm trước và sau khi ứng dụng thực tế.

Ngoài ra, điểm phỏng vấn trung bình thu được là 1.91 (điểm) cho thấy có tính hiệu quả cao (>1). Như vậy có thể kết luận rằng việc ứng dụng bộ tài liệu có thể tăng hiệu quả trong thời gian học tập. Số liệu phân tích mức độ thu hút của bộ tài liệu được đánh giá giá bằng cách xem xét kết quả đánh giá các chỉ số hấp dẫn và tính tiện lợi trong quá trình thực nghiệm của nhóm

đối tượng tham gia nghiên cứu. Kết quả phân tích các chỉ tiêu tiêu tính chuẩn Pre và Post test đạt trung bình 78%.

Mức độ hấp dẫn được đánh giá dựa trên việc chuyển đổi điểm số thành bảng đánh giá (bảng 2). Điểm trung bình của đánh giá tự báo cáo liên quan đến mức độ hấp dẫn thu được là 3.01 (điểm) và sau khi được chuyển đổi được đưa vào theo dạng tính thu hút, từ kết quả này có thể kết luận rằng bộ tài liệu trực quan hình ảnh hỗ trợ học, tập môn Taekwondo có thể thu hút, tăng tính hứng thú học tập của SV.

**BẢNG 7: KẾT QUẢ KIỂM TRA TÍNH CHUẨN VÀ SO SÁNH TRƯỚC SAU THỰC NGHIỆM VỀ TÍNH PHÙ HỢP CỦA BỘ TÀI LIỆU**

BIẾN	\bar{x}	Shapiro-Wilk		T-Test	
		L_{tinh}^*	L_{bang}^*	T_{tinh}	T_{bang}
Pre-test	64	0.043	0.1282	7.608	0.1282
Post-Test	84.25	0.015			

Ghi chú: *: Largest Std. Dev.

Về cơ bản, bộ tài liệu được trình bày dưới dạng tài liệu video hình ảnh kỹ thuật động có hướng dẫn chuyên môn môn Taekwondo, trong đó có ví dụ về các trường hợp hoặc vấn đề xảy ra trong các hoạt động thi đấu cơ bản và cách điều hành, giải quyết theo luật hiện hành. Ưu điểm của bộ tài liệu này là có nhiều loại phương tiện khác nhau và thể hiện toàn bộ nội dung chương trình giảng dạy môn học hiện hành. Tài liệu giảng dạy được tạo ra để tạo điều kiện cho việc học độc lập và tài liệu giảng dạy được hình thành thành một tập hợp các tài liệu in, nghe nhìn hoặc dựa trên các công nghệ điện tử hiện đại (hoặc bất kỳ sự kết hợp nào của chúng). Độ chính xác trong việc trình bày tài liệu là rất quan trọng vì tài liệu giảng dạy phải phù hợp với chương trình giảng dạy [5]. Đồng thời giúp giải thích khái niệm ý tưởng và giúp thúc đẩy SV học, tập tích cực bằng cách sử dụng các tài liệu đa phương tiện có tính thu hút cao [1].

Bất cứ môn thể thao nào thuộc các chương trình GDTC trường học đều tập chung vào các mục tiêu hình thành và phát triển nhận thức, tình cảm, tâm lý và kỹ năng vận động của học

sinh, SV. Tuy nhiên, các mục tiêu này không thể tách rời và có mối liên kết chặt chẽ với nhau. Kết quả của việc học, tập Taekwondo dẫn đến các biến đổi về tâm lý vận động đòi hỏi nhiều hơn về kỹ năng phối hợp, di chuyển, nhận thức chuyên môn. Do đó, để tạo ra một tâm lý vận động tốt, cần có các giai đoạn học tập bắt đầu từ nhận thức, liên kết và tự động hóa. Các khía cạnh nhận thức sẽ trở thành nền tảng để phát triển các khía cạnh tâm lý vận động và tình cảm nếu quá trình các khía cạnh tâm lý vận động được hỗ trợ bởi các khía cạnh nhận thức diễn ra suôn sẻ [6]. Để quá trình nhận thức có thể được phát triển một cách tối ưu, giải pháp hữu hiệu là sử dụng công nghệ có kết hợp các kiến thức chuyên môn và chương trình giảng dạy vào việc học, tập luyện. Tính đa phương tiện sẽ tạo môi trường tương tác nhằm hỗ trợ các khía cạnh nhận thức được sử dụng, rèn luyện để tạo điều kiện thuận lợi, nâng cao kiến thức và mức độ học tập độc lập cho học sinh, SV.

Việc sử dụng công nghệ máy tính trong dạy thể dục có thể làm tăng sự hứng thú và động lực tập thể dục của học sinh,

SV so với việc dạy thể dục bằng phương pháp truyền thống [8]. Bộ tài liệu giảng dạy, tập luyện được xây dựng trong nghiên cứu này phù hợp với các đặc điểm học tập và chương trình quy định tại đơn vị nghiên cứu. Do vậy, đối tượng SV tại đơn vị nghiên cứu dễ dàng tiếp nhận và cũng phù hợp với mục tiêu đầu tiên về việc học tập của nhóm đối tượng này. Do đặc tính hấp dẫn của loại công nghệ điện tử liên quan đến kỹ thuật truyền thông, SV có hứng thú cao hơn đối với các dạng tài liệu giảng dạy trực quan mang tính sinh động, có khả năng lựa chọn nội dung phù hợp với bản thân. Lợi ích của những tài liệu giảng dạy này có thể giúp ích trong quá trình truyền tải thông tin diễn ra trong quá trình học tập một cách tuần tự và có hệ thống. Các tài liệu dạng trực quan video, hình ảnh cũng được cho rằng có tính tích hợp và có hệ thống hơn, cung cấp thông tin sâu hơn và rộng hơn cho việc học, tập luyện [7].

Thêm vào đó, nhằm đạt được mục tiêu chương trình giảng dạy bằng các loại tài liệu giảng dạy phù hợp, có tính thu hút cao đóng vai trò quan trọng và là nguồn thông tin dễ dàng nhất

để hỗ trợ SV tự thực hành tập luyện, nắm bắt chương trình và nội dung môn học. Việc càng có nhiều lựa chọn về tài nguyên học tập sẵn có sẽ giúp quá trình học, tập của SV tốt hơn [5]. Tài liệu dạy học được tích hợp công nghệ ngoài vai trò là phương tiện học tập còn được dùng làm tài liệu học tập nhằm kích thích quá trình học tập từ trừu tượng đến cụ thể, có thể quan sát trực tiếp, SV sẽ dễ dàng học những điều cụ thể hơn là trừu tượng [5].

3. KẾT LUẬN

Bộ tài liệu giảng dạy, học tập bằng video, hình ảnh được xây dựng đã thông qua các chuyên gia và đối tượng học tập xác nhận ý kiến cho thấy thuộc nhóm phù hợp cao, tuy nhiên cũng cần bổ sung sửa chữa một số vấn đề nhỏ. Bộ tài liệu được xác nhận có hiệu quả đối với kết quả học tập vì có sự thay đổi về mức độ tăng điểm trước và sau thực nghiệm ứng dụng thực tế. Điều này cũng chứng

minh bộ tài liệu này có thể thu hút sự hứng thú học, tập luyện của SV trong thực tế. Kết quả của nghiên cứu này có thể được sử dụng làm cơ sở cho việc áp dụng các bộ tài liệu giảng dạy tương tự vào việc dạy, học, tập cho đối tượng nghiên cứu và tương đương sau nghiên cứu. ■

*(Ngày tòa soạn nhận bài: 19/11/2023;
ngày phản biện đánh giá: 26/11/2023;
ngày chấp nhận đăng: 10/12/2023)*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Coleman P, Franck A, Francombe J, et al. (2018), An Audio-Visual System for Object-Based Audio: From Recording to Listening. IEEE Transactions on Multimedia, 20(8), 1919–1931.
2. Dwiyoogo W.D, Rodriguez, E. I.S. (2020), Blended Development Learning of Soccer Courses for Education in Physical Health and Recreation Students: Proceedings of the 1st International Scientific Meeting on Public Health and Sports (Ismophs 2019), The 1st International Scientific Meeting on Public Health and Sports (Ismophs 2019), Malang City, East Java, Indonesia.
3. Gabibov A.B, Polomoshov A.F, Ryzhkin N.V. (2020), Physical Education and Sport in the Era of Information Technology: Proceedings of the International Conference “Health and Wellbeing in Modern Society” (Ichw 2020), The International Conference “Health and wellbeing in modern society” (Ichw 2020), Tomsk, Russia.
4. Ilahi B.R, Raibowo S, Sugihartono T, et al (2021), Nike training club applications to improve football learning in the independent era of learning on students of penjas fkip unib, Kinestetik: Jurnal Ilmiah Pendidikan Jasmani, 5(4), 827–835.
5. Lê Xuân Điệp (2018), Xây dựng và đánh giá bộ tài liệu trực quan (hình ảnh) nâng cao hiệu quả học, tập luyện môn võ Taekwondo cho nữ sinh viên không chuyên Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Đề tài Khoa học Công nghệ cấp Cơ sở, mã số C.2017.10 thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.
6. Raibowo S, Ilahi B.R, Prabowo A, et al (2021), Penguasaan Keterampilan Dasar Futsal Ukm Forkip Universitas Bengkulu, Jurnal Pendidikan Kesehatan Rekreasi, 7(2), 333–341.
7. Valverde-Berrocso J, Fernández-Sánchez M.R, Revuelta Dominguez F.I, et al (2021), The educational integration of digital technologies preCovid-19: Lessons for teacher education. Plos One, 16(8), e0256283.
8. Yang C. (2021), Integration of information technology and PE teaching process, Journal of Physics: Conference Series, 1881(2), 022100.